

Số: 455/BC-UBND

Hà Nam, ngày 14 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2025 Dự kiến phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Hà Nam về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2025. Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 trên địa bàn xã, UBND xã Hà Nam báo cáo kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách xã năm 2025 (Biểu số 01/KQ)

1. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2025, thu NSNN trên địa bàn xã ước đạt 238.858 triệu đồng, đạt 202% dự toán giao. Trong đó:

1.1. Thu nội địa

- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo đạt 171 triệu đồng.
- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.678 triệu đồng.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước thu được 1.811 triệu đồng, đạt 519% chỉ tiêu dự toán giao;
- Thuế thu nhập cá nhân ước thu được 3.214 triệu đồng, đạt 1.737% chỉ tiêu dự toán giao;
- Lệ phí trước bạ ước thu được 2.978 triệu đồng; đạt 3.723% chỉ tiêu dự toán giao;
- Thu phí, lệ phí ước thu được 211 triệu đồng, đạt 183% chỉ tiêu dự toán giao;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước thu được 449 triệu đồng; đạt 110% chỉ tiêu dự toán giao;
- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước ước thu được 112 triệu đồng;

- Thu tiền sử dụng đất ước thu được 1.742 triệu đồng,
- Thu khác ngân sách ước thu được 1.293 triệu đồng, đạt 718% chỉ tiêu dự toán giao;
- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác ước thu được 520 triệu đồng đạt 144% chỉ tiêu dự toán giao;

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 168.280 triệu đồng đạt 150% dự toán.

- Bổ sung cân đối NS: 112.543 triệu đồng.
- Bổ sung có mục tiêu: 55.737 triệu đồng.

1.3. Thu chuyển nguồn: 56.375 triệu đồng.

1.4. Thu kết dư ngân sách: 24 triệu đồng.

2. Thu ngân sách xã

Năm 2025 thu ngân sách xã ước đạt 231.251 triệu đồng, đạt 202% dự toán giao. Trong đó:

2.1. Thu ngân sách xã hưởng 100%: 997 triệu đồng, đạt 152% dự toán giao. Gồm có:

- Thu phí và lệ phí: 136 triệu đồng đạt 118% dự toán.
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản: 520 triệu đồng đạt 144% dự toán.
- Thu phạt, thu khác theo quy định: 341 triệu đồng đạt 189% dự toán.

2.2. Các khoản phân chia theo tỷ lệ %: 5.575 triệu đồng, đạt 368% dự toán. Gồm có:

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 437 triệu đồng đạt 107% dự toán.
- Thuế giá trị gia tăng: 779 triệu đồng đạt 279% dự toán.
- Thu lệ phí trước bạ nhà đất: 734 triệu đồng đạt 918% dự toán.
- Thuế thu nhập cá nhân: 2.498 triệu đồng đạt 1.688% dự toán.
- Thu tiền sử dụng đất: 1.127 triệu đồng đạt 188% dự toán.

2.3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 168.280 triệu đồng đạt 150% dự toán.

Trong đó:

- Bổ sung cân đối NS: 112.543 triệu đồng.
- Bổ sung có mục tiêu: 55.737 triệu đồng.

1.4. Thu chuyển nguồn từ 2024 sang 2025: 56.375 triệu đồng.

1.5. Thu kết dư ngân sách: 24 triệu đồng.

II. CHI NGÂN SÁCH XÃ (Biểu số 02/KQ)

1. Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2025: 169.011 triệu đồng, đạt 147% dự toán giao, trong đó:

1.1 Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 28.985 triệu đồng, đạt 4.831% so dự toán giao đầu năm.

1.2. Chi thường xuyên: 136.182 triệu đồng, đạt 123% dự toán giao.

Gồm:

- Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội: 3.162 triệu đồng đạt 106% dự toán.

- Chi giáo dục: 72.167 triệu đồng đạt 104% dự toán.

- Sự nghiệp y tế: 178 triệu đồng đạt 100% dự toán.

- Chi sự nghiệp văn hoá, thông tin: 412 triệu đồng đạt 115% dự toán.

- Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh: 274 triệu đồng đạt 100% dự toán.

- Sự nghiệp TDTT: 287 triệu đồng đạt 100% dự toán.

- Sự nghiệp môi trường: 1.537 triệu đồng đạt 100% dự toán.

- Chi các hoạt động kinh tế: 4.112 triệu đồng đạt 113% dự toán.

- Công tác xã hội: 11.833 triệu đồng đạt 391% dự toán.

- Chi khác: 69 triệu đồng đạt 100% dự toán

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 42.151 triệu đồng đạt 147% dự toán.

1.3. Chi dự phòng: 3.844 triệu đồng đạt 100% dự toán.

III. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng và điều chỉnh dự toán, phương án xử lý tài chính theo thông báo của Thường trực HĐND

1. Về điều chỉnh dự toán ngân sách

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về điều chỉnh dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp và thông báo số 16/TB-TTHĐND ngày 14/11/2025 của Thường trực HĐND, UBND xã đã thực hiện điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách năm 2025 như sau:

- Tổng điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách: 1.981 triệu đồng

- Tổng điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách 2025 cho các đơn vị, sự nghiệp thuộc UBND xã quản lý: 1.981 triệu đồng.

2. Về phương án xử lý tài chính sau sắp xếp

Căn cứ Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Thanh Hà về việc phương án xử lý ngân sách huyện Thanh Hà năm 2025 khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức Chính quyền địa phương 02 cấp và thông báo số 08/TB-TTHĐND ngày 14/11/2025 của Thường trực HĐND, UBND xã đã thực hiện phương án xử lý tài chính, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 như sau:

- Điều chỉnh số chi ngân sách 6 tháng đầu năm từ các phòng ban (Theo số liệu chi 6 tháng đầu năm của 4 xã cũ) sang Văn phòng UBND-HĐND với tổng số tiền điều chỉnh là: 14.500.784.610 đồng.

Bổ sung dự toán cho Văn phòng HĐND-UBND từ nguồn bổ sung có mục tiêu đã sử dụng của 4 xã cũ số tiền: 2.556.898.065 đồng.

Bổ sung, điều chỉnh dự toán cho các đơn vị sự nghiệp công lập số tiền: 4.457.232.119 đồng.

3. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng

Căn cứ thông báo số 46-TB/ĐU ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thường trực Đảng ủy xã về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán xã từ nguồn dự phòng ngân sách xã năm 2025 và thông báo số 18/TB-TTHĐND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của TTHĐND xã về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán xã từ nguồn dự phòng ngân sách xã năm 2025, UBND xã đã phân bổ nguồn dự phòng cho các đơn vị như sau:

- Tổng số dự phòng ngân sách được bố trí trong năm 2025 sau điều chỉnh: 3.844.000.000 đồng.

- Số dự phòng đã sử dụng (4 xã cũ): 322.227.417 đồng

- Số đã bổ sung cho các đơn vị dự toán: 3.521.772.583 đồng

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Thu ngân sách

Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND xã, sự nỗ lực của các đơn vị, kết quả thu ngân sách đã đạt được những kết quả nhất định. Năm 2025, tất cả các chỉ tiêu giao thu đều đã đạt và vượt dự toán giao. Các sắc thuế cao so với dự toán như: Lệ phí trước bạ nhà đất đạt 918%, Thuế thu nhập cá nhân đạt 1.688%, Thuế GTGT đạt 279%. Thu tiền sử dụng đất đạt 188%.

Kết quả thu vượt dự toán xuất phát từ việc tình hình kinh tế trên địa bàn có chuyển biến tích cực; hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xây dựng nhà ở và giao dịch dân sự phát sinh tăng; công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế được tăng cường; việc rà soát, quản lý đối tượng nộp thuế, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế được thực hiện hiệu quả. Bên cạnh đó, sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế với chính quyền địa phương trong công tác quản lý thu ngân sách đã góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả thu, tạo nguồn lực bổ sung cho ngân sách địa phương và bảo đảm cân đối ngân sách trong năm.

2. Chi ngân sách

- Chi thường xuyên đạt 147% DT đầu năm, cơ bản đáp ứng các nhiệm vụ năm 2025 góp phần đảm bảo kinh phí hoạt động có hiệu quả trên tất cả lĩnh vực kinh tế - chính trị - xã hội - An ninh - Quốc phòng của xã; đáp ứng được các chính sách về an sinh xã hội, góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội của địa phương.

- Tỷ lệ chi cao so với dự toán do trong năm phát sinh tăng một số nhiệm vụ được bổ sung từ ngân sách cấp trên như kinh phí thực hiện công tác trực tết, huấn luyện đối với lực lượng dân quân tự vệ của, kinh phí mua thuốc diệt chuột, kinh phí bổ sung trước sáp nhập của các xã cũ; kinh phí quà tặng cho người dân dịp 02/9, kinh phí thực hiện chế độ theo NĐ 178/NĐ-CP, NĐ154/NĐ-CP, kinh phí mua sắm, tăng cường trang thiết bị cho TT HCC và các phòng ban, kinh phí bổ sung khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp ...và một số nhiệm vụ khác.

3. Đánh giá

3.1. Thuận lợi:

- Với sự chỉ đạo, điều hành sát sao, kịp thời của Thường trực Đảng ủy - HĐND và UBND xã, sự chủ động của các các ban ngành, đoàn thể trong việc triển khai, thực hiện dự toán thu chi ngân sách ngay từ đầu năm, chi tiêu tiết kiệm, hợp lý trên tinh thần phát huy tính tích cực, hiệu quả trong việc sử dụng ngân sách;

- Các khoản thu ngân sách tại xã được quan tâm lãnh đạo chỉ đạo và sự vào cuộc của các cán bộ công chức từ xã đến thôn đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền nên nhận được sự chấp hành và đồng thuận của nhân dân trong toàn xã.

3.2. Khó khăn, hạn chế

- Thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp thời gian đầu do thiếu nhân lực có kinh nghiệm trong một số lĩnh vực như kế hoạch, đầu tư, xây dựng, công nghệ thông tin. Việc xử lý bàn giao tài chính giữa huyện, xã còn có những bất

cấp; trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn chưa đáp ứng được công tác chuyển đổi số. Các văn bản hướng dẫn của các cấp, ngành còn chưa thống nhất, kịp thời nên việc điều hành triển khai thực hiện còn lúng túng.

- Việc bố trí nguồn kinh phí ngoài định mức phân bổ dự toán còn hạn hẹp dẫn đến việc tổ chức các Hội nghị theo yêu cầu của các sở ngành, hoạt động an ninh, quốc phòng, hoạt động của các hội, đoàn thể, tổ chức - xã hội... chưa đáp ứng đủ nhu cầu chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở cấp xã theo chính quyền 02 cấp.

PHẦN THỨ HAI

Dự kiến phương án phân bổ ngân sách năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026. UBND xã dự kiến phân bổ các chỉ tiêu thu, chi ngân sách xã năm 2026 như sau:

I. THU NGÂN SÁCH (Biểu số 03/DT)

1. Thu NSNN trên địa bàn: 165.218 triệu đồng. Trong đó:

1.1 Thu nội địa

- Thu thuế NQD 3.135 triệu đồng ;
- Lệ phí trước bạ 5.150 triệu đồng ;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 470 triệu đồng;
- Thu tiền sử dụng đất 2.000 triệu đồng;
- Thu tiền thuê đất 210 triệu đồng
- Thu phí và lệ phí 370 triệu đồng ;
- Thu khác ngân sách 230 triệu đồng ;
- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác 370 triệu đồng.

1.2 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 152.203 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 1.080 triệu đồng

2. Thu ngân sách xã: 159.888 triệu đồng. Trong đó:

1.1 Thu nội địa

- Thu thuế NQD 1.690 triệu đồng;
- Lệ phí trước bạ 3.175 triệu đồng ;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 470 triệu đồng;

- Thu tiền sử dụng đất 400 triệu đồng;
- Thu tiền thuê đất 84 triệu đồng
- Thu phí và lệ phí 370 triệu đồng ;
- Thu khác ngân sách 46 triệu đồng ;
- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác 370 triệu đồng.

1.2 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 152.203 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 1.080 triệu đồng

II. CHI NGÂN SÁCH XÃ

1. Về nguyên tắc phân bổ ngân sách

- Phân bổ ngân sách xã dựa trên cơ sở dự toán thành phố giao, đảm bảo công khai minh bạch, thực hiện nghiêm túc Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng, chống tham nhũng và các quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2026, Kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm giai đoạn 2026 - 2028, Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2050 và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố giai đoạn 2026 - 2030. Đảm bảo tính công bằng, công khai và minh bạch, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện hệ thống định mức mới;

- Đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu 2.340.000đồng/tháng. Trường hợp nhà nước tăng các chính sách, chế độ mới, kinh phí sẽ được bổ sung cho các đơn vị theo chế độ quy định phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

- Phân bổ dự toán chi phải cơ bản đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan, các ngành, đơn vị dự toán tăng cường tính tự chủ, chủ động quyết định ngân sách của mình, khuyến khích tăng cường công tác quản lý tài chính, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng ngân sách hiệu quả.

2. Dự kiến phân bổ chi ngân sách xã (Biểu số 04/DT)

2.1: Tổng chi ngân sách xã 159.888 triệu đồng gồm:

- Chi đầu tư phát triển 400 triệu đồng (trong đó: chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 400 triệu đồng);
- Chi thường xuyên: 156.353 triệu đồng. Trong đó:

- + Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề: 83.152 triệu đồng
- + Chi khoa học công nghệ: 390 triệu đồng
- + Chi quốc phòng: 2.543 triệu đồng
- + Chi an ninh trật tự: 2.084 triệu đồng
- + Chi y tế dân số: 5.166 triệu đồng
- + Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 1.459 triệu đồng
- + Chi phát thanh truyền hình: 300 triệu đồng
- + Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 355 triệu đồng
- + Chi sự nghiệp môi trường: 2.356 triệu đồng
- + Chi sự nghiệp kinh tế (Giao thông, nông nghiệp, thủy lợi, kinh tế khác): 3.755 triệu đồng
- + Chi quản lý hành chính Đảng, đoàn thể, HĐND: 28.303 triệu đồng.
- + Chi đảm bảo xã hội: 25.712 triệu đồng.
- + Chi thường xuyên khác: 778 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 3.135 triệu đồng;

2.2. Một số định mức hoạt động cụ thể

2.2.1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

- Chi quản lý hành chính:

Nguyên tắc chung: Đảm bảo chế độ con người (tiền lương, các khoản phụ cấp, đóng góp, tăng lương định kỳ), chi hoạt động thường xuyên (48 triệu đồng/biên chế), đảm bảo kinh phí hoạt động của HĐND cấp xã (30 triệu đồng/1 đại biểu HĐND theo định mức của xã), bố trí các khoản chi đặc thù gắn với nhiệm vụ chi của từng ngành, chi mua sắm sửa chữa bảo dưỡng tài sản, kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo tiêu chuẩn định mức quy định và bố trí kinh phí khoán xe công theo định mức tiêu chuẩn 260 triệu đồng/xe/năm.

- Chi kinh phí Đảng (Văn phòng Đảng ủy, các ban của Đảng): Chi con người: Đảm bảo đầy đủ nhiệm vụ chi cho con người theo biên chế được giao như lương, thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ. Chi nghiệp vụ thường xuyên: 61 triệu đồng/biên chế. Kinh phí xe ô tô: 260 triệu đồng/xe/năm.

- Chi kinh phí Hội, đoàn thể (Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, đoàn thanh niên, Hội nông dân, hội CCB): Chi con người: Đảm bảo đầy đủ nhiệm vụ chi cho con người theo biên chế được giao như lương, thưởng, phụ cấp, các khoản

đóng góp theo chế độ. Chi nghiệp vụ thường xuyên: Theo biên chế giao xã mức 48 triệu/1 biên chế.

- Chi các thôn khu dân cư: Chi đảm bảo thực hiện các Cuộc vận động và các phong trào cấp xã: 100.000.000 đồng/năm. Chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động và các Phong trào được phát động ở thôn, khu dân cư: Thôn có quy mô dân số dưới 700 hộ dân là 5.000.000 đồng/năm/thôn. Thôn quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân so với định mức này thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/năm/thôn.

Định mức trên đã bao gồm:

+ Chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, phụ cấp chức vụ, phụ cấp công vụ, phụ cấp cấp ủy, phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại nguy hiểm, phụ cấp trách nhiệm; phụ cấp kiêm nhiệm; phụ cấp thâm niên, vượt khung, phụ cấp ưu đãi ngành, phụ cấp HĐND, phụ cấp khác, tăng lương định kỳ hàng năm, các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN theo qui định.

+ Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động, nghiệp vụ thường xuyên phục vụ bộ máy của các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, vật tư, văn phòng phẩm, điện nước, vệ sinh môi trường, sách, báo, tạp chí, tài liệu phục vụ công tác chuyên môn, hội nghị tổng kết, sơ kết, điện thoại, duy trì hệ thống Internet, trang Website, phần mềm, cước bưu chính, công tác phí, làm thêm giờ, tiếp khách, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ; kinh phí hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; kinh phí thường xuyên ban tiếp dân bộ phận một cửa, tăng cường kiểm soát thủ tục hành chính, kinh phí thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO (mô hình khung), kinh phí tiếp dân xử lý đơn thư, kinh phí thực hiện các Đề án của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã; kinh phí chi chế độ cho cán bộ làm công tác lưu trữ, chế độ cho người làm công tác cơ yếu.....; kinh phí thăm hỏi, chúc mừng của UBNDTTQ cấp xã; Hoạt động giám sát và phản biện xã hội; kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư tại cộng đồng; kinh phí đảm bảo xây dựng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kinh phí xây dựng hương ước theo Nghị định 61/NĐ-CP; kinh phí tổ dân vận thôn, kinh phí văn hóa - văn nghệ ở thôn; kinh phí tổ hòa giải thôn; Kinh phí chi tiếp xúc đối thoại người đứng đầu; Kinh phí tiếp công dân, Ban chỉ đạo chăm sóc kiến kinh nghiệm; Ban chỉ đạo nông thôn mới; Ban chỉ đạo ATGT kinh phí cho các Ban chỉ đạo cấp xã; chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chi hoạt động chuyên môn, quản lý lĩnh vực ngành, chi mua sắm, bảo trì, sửa chữa tài sản công các phòng ban thuộc xã; các nhiệm vụ chi khác thuộc xã.

+ Chi nghiệp vụ ổn định khối quản lý nhà nước.

+ Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố (đã bao gồm các cuộc họp bất thường).

Định mức trên chưa bao gồm các chính sách:

- + Kinh phí tổ chức Đại hội các đoàn thể theo kế hoạch của thành phố.
- + Kinh phí hoạt động đảng theo Quyết định 99/QĐ-TW; Quy định số 443-QĐ/TU ngày 24/11/2021 của thành ủy Hải Phòng.
- + Kinh phí cho người có uy tín đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg;
- + Kinh phí đối với kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn Cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố... theo Nghị quyết của HĐND thành phố.

Kinh phí thực hiện Nghị định 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

- + BHYT đối với đại biểu HĐND không hưởng lương, đại biểu HĐND là người hoạt động không chuyên trách.
- + Kinh phí bầu cử.
- + Các nhiệm vụ phát sinh khác

2.2.2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp

- Chi sự nghiệp giáo dục:

- Định mức phân bổ theo quỹ lương và chi hoạt động. Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các trường THCS, Tiểu học, Mầm non: Tỷ lệ chi tiền lương, thưởng, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...) theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng tối đa 81%. Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 19% tương ứng tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...) của mức lương cơ sở 1.490.000 đồng. Bổ sung thêm chi phí quản lý giáo dục theo tiêu chí dân số.

Định mức trên bao gồm: chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) theo mức lương cơ bản 2.340.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn; chi hỗ trợ theo Thông tư số: 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 03 năm 2025 về miễn giảm tiết đối với một số chức danh quản lý; chi hỗ trợ công tác bảo vệ các trường; tiền điện; tiền nước; tiền vệ sinh môi trường; tiền nhiên liệu, vật tư văn phòng; tiền điện thoại, báo chí, duy trì hệ thống Internet, trang Website, phần mềm, tuyên truyền, Công tác phí, hội nghị, hội thảo; học phẩm cho giáo viên; sách thiết bị dùng cho chuyên môn; Chi hoạt động giáo dục ngoài

giờ; thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp, thi học sinh giỏi; kinh phí kiểm định chất lượng giáo dục thuộc nhiệm vụ nhà trường chi, hỗ trợ kinh phí nâng chuẩn giáo viên, khen thưởng ngành giáo dục, công tác thanh tra, tập huấn, bồi dưỡng học sinh, giáo viên, các hoạt động chuyên môn khác; chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản phục vụ hoạt động chuyên môn; chi khác phục vụ chuyên môn của các nhà trường trong năm học, kinh phí hoạt động của trung tâm giáo dục cộng đồng; khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn; Thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn; hỗ trợ nhiệm vụ chi của phòng Văn hóa xã hội và nhiệm vụ chi khác theo quy định của pháp luật.

Định mức trên chưa bao gồm: Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo quy định của Trung ương và thành phố, kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật, kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế tự nguyện cho giáo viên mầm non có thời gian công tác trước năm 1995 theo Quyết định 45/2011/QĐ-TTg; kinh phí thực hiện hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Các chương trình, đề án, chỉ đạo của thành phố,...

- Chi sự nghiệp môi trường:

Thực hiện vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các nhà máy xử lý rác để đốt thì định mức phân bổ là 95.000 đồng/người/năm.

Định mức trên đã bao gồm: hoạt động thường xuyên sự nghiệp môi trường (bao gồm cả nhiệm vụ thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật vô chủ tại địa phương), kinh phí chi cho công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, tổ chức truyền thông về ngày môi trường thế giới, kinh phí mua hóa chất xử lý rác thải tập trung, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, các hoạt động thường xuyên sự nghiệp môi trường.

- Chi các hoạt động kinh tế:

- Giao thông, kinh tế, kiến thiết thị chính:

+ Chi các hoạt động kiến thiết thị chính: 1.500 triệu đồng gồm chi duy trì hoạt động hệ thống điện chiếu sáng, trồng bổ sung cây xanh, sửa chữa, xây dựng hệ thống bờ lóc vỉa hè, thoát nước, giao thông... trong phạm vi địa giới hành chính quản lý.

+ Các sự nghiệp kinh tế khác: 1.000 triệu đồng bao gồm: Kinh phí kiểm kê đất đai, kinh phí xác định giá đất cụ thể; kinh phí kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026-2030; kinh phí lập quy hoạch; kinh phí điều chỉnh quy hoạch phân khu.

- Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi:

+ Chi con người: Đảm bảo đầy đủ nhiệm vụ chi cho con người theo biên chế được giao (lương, thưởng, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ).

+ Chi hoạt động thường xuyên: 36 triệu/1 biên chế.

Tiêu chí xác định theo diện tích đất nông nghiệp, số ki lô mét (km) đê.

Định mức phân bổ: Chi hoạt động nghiệp vụ: 147.000 đồng/ha đất nông nghiệp/năm và 19 triệu đồng/km đê/năm.

Định mức trên bao gồm: chi hoạt động thường xuyên sự nghiệp nông nghiệp, phòng chống lụt bão, chi cho công tác phòng chống lụt bão thủy lợi nội đồng, kinh phí chi cho ban chỉ đạo nông thôn mới, ban chỉ đạo diệt chuột, kinh phí lực lượng tuần tra canh gác đê; quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn; kinh phí và tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật; kinh phí xử lý ổ dịch bệnh động vật; kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; các nhiệm vụ thường xuyên khác.

Định mức chưa bao gồm: kinh phí hỗ trợ tiền trợ giống cây con, hỗ trợ tiền điện chống úng, hỗ trợ nông dân bị thiệt hại do bão lũ, dịch bệnh theo Quyết định cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố; Chương trình nạo vét nội đồng, cấp bù thủy lợi phí, ... kinh phí thực hiện quản lý, sử dụng đất trồng lúa; kinh phí đặc thù phòng chống lụt bão; Kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ sản phẩm công ích thủy lợi (đối với diện tích ngoài lưu vực do cấp xã phục vụ sản xuất nông nghiệp) được cấp có thẩm quyền quyết định; kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương; hỗ trợ thiệt hại cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật; các nhiệm vụ đột xuất khác phát sinh.

- **Chi bảo đảm xã hội**

+ Tiêu chí xác định theo đối tượng bảo trợ xã hội và dân số.

Định mức phân bổ:

+ Trợ cấp cho các đối tượng đảm bảo xã hội được tính theo số đối tượng được hưởng và chế độ chính sách quy định hiện hành.

Định mức bao gồm: Các nhiệm vụ phát sinh khác: Hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, tập huấn, thẩm định hồ sơ, chi khác phục vụ cho công tác quản lý; Kinh phí chi trợ cấp đột xuất, chi hỗ trợ cho đối tượng lang thang cơ nhỡ, Kinh phí chi thăm hỏi ngày lễ, tết do cấp xã quyết định; Kinh phí chi phí dịch vụ chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cấp xã, Kinh phí thu thập, cập nhật, chỉnh sửa tổng hợp thông tin người lao động trên địa bàn; kinh phí trông coi nghĩa trang liệt sỹ.

Định mức trên chưa bao gồm: hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, kinh phí nhiệm vụ đột xuất phát sinh do thành phố giao nhiệm vụ; Kinh phí quà tết cho người cao tuổi, quà 27/7, quà 2/9 (theo số đối tượng được hưởng và chế độ hiện hành); Chi phí dịch vụ chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cấp xã; Kinh phí trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo quy định của Chính phủ.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin

+ Đảm bảo chế độ con người (tiền lương, các khoản phụ cấp, đóng góp, tăng lương định kỳ);

+ Đảm bảo kinh phí chi hoạt động theo định mức 36 triệu/biên chế, bố trí kinh phí chi nghiệp vụ.

Định mức trên bao gồm: chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp của biên chế được giao, hoạt động thường xuyên sự nghiệp văn hóa thông tin, bổ sung tủ sách thư viện, chi khen thưởng làng văn hóa, chi cho công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn, trùng tu cải tạo các di tích, kinh phí trang trí ngày lễ, tết và chi khác cho sự nghiệp văn hóa thông tin.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao:

+ Tiêu chí xác định theo dân số: 300 triệu đồng/ năm

Định mức trên bao gồm: hoạt động thường xuyên sự nghiệp thể dục thể thao; tăng cường huấn luyện, hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ thể thao trong tổ chức xã hội, nhân dân; công tác huấn luyện phục vụ thi đấu các giải, tổ chức các giải đấu thể thao cấp xã, thay thế trang thiết bị thể dục thể thao, hoạt động thường xuyên sự nghiệp thể dục thể thao;

Định mức trên chưa bao gồm: kinh phí tổ chức Đại hội thể dục thể thao,

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh

+ Tiêu chí xác định theo dân số: 300 triệu đồng/ năm

Định mức trên bao gồm: hoạt động thường xuyên sự nghiệp phát thanh truyền hình, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ như nâng cao thời lượng phát sóng, chất lượng tin bài, các nhiệm vụ chuyên môn phát thanh truyền hình;

Định mức trên chưa bao gồm: kinh phí phát sinh nhiệm vụ sửa chữa hệ thống truyền thanh cơ sở, hỗ trợ nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất hệ thống truyền thanh cơ sở và các hoạt động khác.

- Chi sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Bố trí kinh phí để thực hiện duy trì, nâng cấp, mua sắm phần mềm.

+ Bố trí kinh phí chính lý tài liệu; chi hỗ trợ cán bộ làm công tác chuyển đổi số theo NĐ179 (5tr/người/tháng).

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình.

Tiêu chí xác định theo biên chế được giao và tiêu chí dân số.

Định mức phân bổ:

+ Chi cho con người: Đảm bảo đầy đủ chế độ chi cho con người bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

+ Chi công việc, hoạt động nghiệp vụ thường xuyên: 200 triệu đồng/năm;

Định mức trên bao gồm: chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp của biên chế được giao (trạm y tế xã), kinh phí hoạt động thường xuyên của Trạm y tế xã, kinh phí cho các nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh, kinh phí khám tuyến nghĩa vụ quân sự hàng năm phát sinh trên địa bàn xã;

Định mức trên chưa bao gồm: Các chương trình về nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng... thực hiện theo chương trình, đề án được duyệt; kinh phí nhiệm vụ đột xuất phát sinh.

- Chi an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Tiêu chí xác định theo dân số. Định mức phân bổ: 300 triệu đồng/năm;

Định mức trên bao gồm: kinh phí hoạt động thường xuyên nhiệm vụ an ninh tại xã (Chi tuyên truyền, vận động phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy...); thực hiện các đề án về an ninh.

Định mức trên chưa bao gồm: kinh phí an ninh cơ sở, kinh phí nhiệm vụ đột xuất phát sinh.

- Chi Quốc phòng

Tiêu chí xác định theo dân số. Định mức phân bổ: 300 triệu đồng/năm;

Định mức trên bao gồm: kinh phí hoạt động thường xuyên nhiệm vụ quốc phòng tại xã, phường, đặc khu.

Định mức trên chưa bao gồm: các chế độ chi dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tuyển quân, phòng thủ dân sự kinh phí nhiệm vụ đột xuất phát sinh.

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Xác định trên cơ sở tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức phân bổ, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách (0,5% tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức phân bổ).

- Định mức các khoản chi thường xuyên trên chưa tính trừ tiết kiệm 10% theo quy định.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2026

1. Thu ngân sách

- Chủ động phân đầu tăng thu theo các chỉ tiêu so với dự toán được giao, đề xuất các giải pháp tăng thu, phân đầu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất.

- Chỉ đạo quyết liệt thực hiện các biện pháp quản lý thuế, chống thất thu thuế, thu hồi nợ đọng thuế đúng, đủ, kịp thời. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, tiếp tục triển khai các giải pháp thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, nhất là từ bất động sản và chống thất thu thuế...

- Quyết liệt cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định và vững chắc. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh theo quy định, tạo điều kiện cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp để đẩy mạnh phát triển sản xuất nhằm nuôi dưỡng nguồn thu bền vững. Song song với đó, cần làm tốt công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và chủ động ứng phó trong tình huống xảy ra.

2. Chi ngân sách

Trên cơ sở số giao dự toán của thành phố, UBND xã đã xác định nhiệm vụ của các ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách xã để tính toán định mức xây dựng phù hợp. Để điều hành ổn định, đáp ứng kịp thời nguồn đã giao cho các đơn vị, UBND xã đề xuất một số giải pháp như sau:

- Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cần thực hiện triệt để Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật Phòng chống tham nhũng trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách và kinh phí có nguồn gốc từ NSNN. Tăng cường quản lý điều hành tài chính ngân sách gắn với các ưu tiên phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh, quốc phòng; tập trung ngân sách vào các nhiệm vụ cơ bản, thiết yếu, đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bám sát và thực hiện tốt các mục tiêu Đại hội Đảng bộ các cấp.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành trong việc thực hiện dự toán chi NSNN, kịp thời đề xuất, xử lý các vấn đề phát sinh

đồng thời triển khai nhiệm vụ, giải pháp trong trung và dài hạn để thúc đẩy phục hồi kinh tế - xã hội của xã, hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao. Nghiêm cấm thực hiện các khoản chi ngoài dự toán, các khoản chi trái quy định của pháp luật, sử dụng ngân sách để cho vay, tạm ứng đối với những việc, nội dung sai chế độ quy định.

- Chủ động thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2026 từ tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang (nếu có). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán để tạo nguồn cải cách tiền lương ...

- Tăng cường phối hợp, triển khai công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện, công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Trong quá trình điều hành dự toán thu chi ngân sách phải đảm bảo sự ổn định cân đối ngân sách cả năm, đề nghị HĐND xã tiếp tục giao cho UBND xã chủ động thực hiện các biện pháp điều hành ngân sách chủ động, linh hoạt. Trên cơ sở giám sát số thu vào ngân sách chủ động kịp thời điều hành dự toán chi cho phù hợp trên cơ sở thống nhất ý kiến với Thường trực HĐND xã. Trường hợp tăng thu sẽ được sử dụng theo quy định, bổ sung chi đầu tư phát triển, đảm bảo các nhiệm vụ an sinh xã hội và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp nếu hụt thu sẽ giảm chi tương ứng.

Trên đây là báo cáo của UBND xã về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và phương án phân bổ ngân sách năm 2026. UBND xã trình Ban Thường vụ Đảng uỷ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- TT. ĐU-TT. HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Ban